

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 104/2017/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 21 tháng 7 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung các điểm sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVI, KỶ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Luật Khoáng sản năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 24a/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về quản lý vật liệu xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030; Quyết định số 567/QĐ-TTg ngày 28/4/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển vật liệu xây dựng không nung đến năm 2020;

Xét Tờ trình số 61/TTr-UBND ngày 30/06/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung các điểm sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch điều chỉnh, bổ sung các điểm sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng (VLXD) trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung sau:

1. Quy hoạch phát triển VLXD đến năm 2020

1.1. Quy hoạch sản xuất vật liệu xây, ngói đất sét nung

a) Dự báo nhu cầu đến năm 2020

- Vật liệu xây: 1.083,5 triệu viên/năm, trong đó:
- + Gạch đất sét nung: 753 triệu viên/năm.
- + Gạch không nung: 330,5 triệu viên QTC/năm.
- Ngói đất sét nung: 1,15 triệu m²/năm.

b) Phương hướng phát triển

- Tổ chức sắp xếp lại các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung trên địa bàn tỉnh theo hướng không đầu tư xây dựng mới và không cấp phép gia hạn đối với dự án sản xuất gạch đất sét nung theo công nghệ lò đứng liên tục, lò hoffman.

- Các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung theo công nghệ lò đứng liên tục đang hoạt động phải chấm dứt hoạt động và chuyển đổi sang công nghệ sản xuất lò tuynel hoặc sản xuất vật liệu xây không nung.

- Các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung theo công nghệ lò hoffman đang hoạt động phải chuyển đổi sang công nghệ sản xuất lò tuynel theo đúng giấy chứng nhận đầu tư đã cấp.

- Duy trì các cơ sở sản xuất gạch đất sét nung theo công nghệ lò tuynel, các cơ sở này cần phải tiếp tục đầu tư hoàn thiện, cải tiến công nghệ, điều chỉnh quy mô công suất phù hợp với năng lực sản xuất.

- Các cơ sở sản xuất gạch ngói phải gắn với vùng nguyên liệu. Nghiêm cấm các cơ sở sản xuất gạch ngói sử dụng đất nông nghiệp, chưa có vùng nguyên liệu được cấp phép, đất làm nguyên liệu không rõ nguồn gốc.

- Phát triển sản xuất các loại gạch không nung, thay thế một phần gạch đất sét nung đến năm 2020 chiếm tỷ lệ 30 - 35%.

c) Phương án quy hoạch

- Gạch đất sét nung:

+ Tổng công suất thiết kế: 753 triệu viên/năm (tại Phụ lục số 01 kèm theo).

+ Lộ trình chuyển đổi công nghệ sản xuất gạch đất sét nung theo đúng Quyết định 1469/QĐ-TTg ngày 22/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển vật liệu xây dựng Việt Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 trong đó quy định: hoạt động của các lò gạch thủ công, thủ công cải tiến phải chấm dứt ngay và lò đứng liên tục, lò vòng (sử dụng công nghệ lò Hoffman) phải chấm dứt trước năm 2018.

- Gạch không nung: Tổng công suất thiết kế: 330,5 triệu viên QTC/năm (tại Phụ lục số 02 kèm theo).

- Ngói đất sét nung: Tổng công suất thiết kế: 1,15 triệu m²/năm (tương đương 25,3 triệu viên ngói/năm).

1.2. Quy hoạch khai thác cát xây dựng và bến bãi tập kết VLXD

a) Dự báo nhu cầu đến năm 2020

Cát xây dựng: 3,3 - 3,4 triệu m³/năm.

b) Phương hướng phát triển

- Đẩy mạnh việc khảo sát, thăm dò xác định trữ lượng cát bãi bồi, các điểm mỏ cát lòng sông theo quy hoạch, làm cơ sở xây dựng kế hoạch khai thác cát đáp ứng nhu cầu xây dựng.

- Tổ chức sắp xếp lại lực lượng khai thác cát nhỏ lẻ, hình thành các cơ sở khai thác tập trung theo quy hoạch.

- Xóa bỏ hoàn toàn việc khai thác cát nhỏ lẻ, không giấy phép để tránh làm thất thoát tài nguyên và ảnh hưởng đến môi trường.

c) Phương án quy hoạch

- Khai thác cát xây dựng: Tổng công suất khai thác là 3.320.000 m³/năm (tại Phụ lục số 03 kèm theo).

- Bền bãi tập kết vật liệu xây dựng: Tổng số vị trí bến bãi tập kết nguyên vật liệu là 30 (tại Phụ lục số 04 kèm theo).

2. Định hướng phát triển sản xuất VLXD đến năm 2030

- Tiếp tục duy trì sản xuất những cơ sở gạch đất sét nung công nghệ tuynel còn đảm bảo được nguồn nguyên liệu. Đẩy mạnh việc sản xuất các loại vật liệu xây không nung; đầu tư sản xuất gạch không nung theo công nghệ tiên tiến, đa dạng về chủng loại sản phẩm, kích thước, màu sắc để từng bước thay thế gạch đất sét nung và phục vụ công nghiệp hóa xây dựng.

- Đầu tư các khu, cụm công nghiệp sản xuất VLXD tập trung, phát triển các chủng loại VLXD mới có chất lượng cao hơn, có khả năng thay thế các loại VLXD truyền thống.

- Giải tỏa các cơ sở sản xuất VLXD gây ô nhiễm môi trường ra khỏi thành phố, thị xã, các khu đông dân cư, di chuyển vào các khu, cụm công nghiệp.

Điều 2. HĐND tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch các điểm sản xuất, khai thác VLXD trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng nhiệm vụ theo quy định của luật kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XVI, kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 19/7/2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 08 năm 2017./.

CHỦ TỊCH

Đỗ Xuân Tuyên

PHỤ LỤC SỐ 01
KÈM THEO NQ 104/2017/NQ-HĐND
(05 trang)

Phụ lục số 02
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SẢN XUẤT GẠCH KHÔNG NUNG
*(Kèm theo Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

STT	Tên cơ sở	Địa điểm	Công suất đã được cấp (290,5 triệu viên QTC/năm)	Phương án điều chỉnh (330,5 triệu viên QTC/năm)
I. Duy trì theo giấy chứng nhận đầu tư (Quyết định chủ trương đầu tư)				
1	Công ty TNHH Anh Tường	Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào	14,0	14,0
2	Công ty CP đầu tư công nghệ xây dựng HAD quốc tế	Xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào	20,5	20,5
3	Công ty CP đầu tư xây dựng phát triển Hưng Yên	Xã Cẩm Xá, huyện Mỹ Hào	7,5	7,5
4	Công ty cổ phần gạch không nung Việt Úc	Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm	70,0	70,0
5	Công ty Biken Việt Nam	Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm	1,0	1,0
6	Công ty CP xây dựng thương mại Phú Thái	Xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ	25,0	25,0
7	Công ty TNHH xây dựng 69	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ	1,5	1,5
8	Công ty TNHH Lengtech	Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang	30,0	30,0
9	HTX sản xuất gạch ngói Việt Tiến	Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu	30,0	30,0
10	Cty.TNHH Thịnh Hưng Đức	Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động	35,0	35,0
11	Công ty TNHH TM&DV Việt Phúc Đức	Xã Mai Động, huyện Kim Động	30,0	30,0
12	Công ty TNHH Tuấn Giang	Xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động	25,0	25,0
13	Công ty CP đầu tư và VLXD Đông Anh -8	Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ	1,0	1,0
II. Phương án đầu tư mới				
14	GKN tại P. Lam Sơn, TP Hưng Yên	Phường Lam Sơn, TP Hưng Yên		35,0
III. Phương án Chuyển đổi công nghệ từ lò liên tục kiểu đứng sang gạch không nung				
15	DNTN Lê Thanh Xuân	Xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ		5,0

Phụ lục số 03
PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH KHAI THÁC CÁT XÂY DỰNG
(Kèm theo Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Stt	Tên Huyện	Tên xã	Công suất Khai thác (m³/năm)
1	Văn Giang	Xã Thăng Lợi	100.000
2	Khoái Châu	Xã Tứ Dân, Đại Tập, Đông Ninh	700.000
3	Kim Động	Xã Đức Hợp	1.000.000
4	Thành phố Hưng Yên	Xã Hồng Châu, Quảng Châu, Tân Hưng, Hoàng Hanh	1.220.000
5	Phù Cừ	Xã Nguyên Hòa 1&2	300.000
	Cộng		3.320.000

Phụ lục số 04**PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH BÃI TẬP KẾT VẬT LIỆU**
(Kèm theo Nghị quyết số 104/2017/NQ-HĐND ngày 21/7/2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Stt	Tên Huyện	Tên xã
1	Văn Giang	Xã Thắng Lợi, Liên Nghĩa, Mễ Sở
2	Yên Mỹ	Xã Đồng Than, Minh Châu, Trung Hưng, Lý Thường Kiệt, Tân Việt
3	Khoái Châu	Xã Nhuế Dương, Chí Tân, Đại Tập, Đông Ninh, Tân Châu, Tứ Dân, Bình Minh
4	Kim Động	Xã Hùng An, Đức Hợp, Mai Động, Thọ Vinh
5	Tiên Lữ	Xã Hải Triều, Thiện Phiến, Thủ Sỹ
6	Phù Cừ	Xã Nguyên Hòa, Tống Trân
7	Ân Thi	Xã Bắc Sơn, Hạ Lễ
8	Thành phố Hưng Yên	Xã Tân Hưng, Quảng Châu, Minh Khai, Phú Cường